

Số: 4416/QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2015

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Định mức dự toán một số công tác sửa chữa công trình đường thủy nội địa.**

**BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15/6/2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20/12/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ văn bản số 2838/BXD-KTXD ngày 02/12/2015 của Bộ Xây dựng về việc định mức dự toán sửa chữa công trình đường thủy nội địa;

Xét đề nghị của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam tại Tờ trình số 915/TTr-CĐTND ngày 20/5/2015; văn bản số 2360/CĐTND-KTKT ngày 23/10/2015 về việc dự thảo định mức kinh tế - kỹ thuật sửa chữa công trình đường thủy nội địa;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông,

**QUYẾT ĐỊNH:**

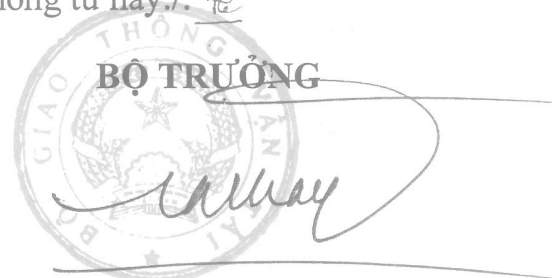
**Điều 1.** Công bố Định mức dự toán một số công tác sửa chữa công trình đường thủy nội địa kèm theo Quyết định này để các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tham khảo, vận dụng vào việc lập và quản lý chi phí sửa chữa công trình đường thủy nội địa.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Các Thứ trưởng;
- Bộ Xây dựng;
- Các Sở GTVT;
- Công TTĐT Bộ GTVT;
- Lưu: VT, KCHT.



**Đinh La Thăng**

**ĐỊNH MỨC DỰ TOÁN**  
**MỘT SỐ CÔNG TÁC SỬA CHỮA CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA**  
(Kèm theo Quyết định số 16403/QĐ-BGTVT ngày 16 tháng 12 năm 2015 của  
Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

**THUYẾT MINH VÀ HƯỚNG DẪN ÁP DỤNG**

- Định mức dự toán sửa chữa công trình đường thủy nội địa là định mức kinh tế-kỹ thuật thể hiện mức hao phí về vật liệu, lao động và máy thi công (đối với một số công tác sử dụng máy, thiết bị thi công) để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác xây lắp sửa chữa, từ khâu chuẩn bị đến khâu kết thúc công tác xây lắp bảo đảm đúng yêu cầu kỹ thuật và phù hợp với đặc điểm, tính chất riêng biệt của công tác sửa chữa.

- Công tác sửa chữa thường có khối lượng xây lắp nhỏ, thi công trong điều kiện khó khăn, phức tạp, xen kẽ nhiều công việc khác nhau, mặt bằng thi công hẹp, thường phân tán, bên cạnh công trình đang sử dụng, vừa sửa chữa vừa sử dụng, phần lớn dùng lao động thủ công, năng suất thấp và sử dụng lượng vật liệu xây dựng không nhiều.

- Trong quá trình sửa chữa, không những phải đảm bảo an toàn lao động cho người lao động, còn phải đảm bảo an toàn cho người, phương tiện qua lại, các trang thiết bị đang sử dụng trong công trình đó và các công trình kế cận có liên quan.

**I. NỘI DUNG ĐỊNH MỨC DỰ TOÁN SỬA CHỮA CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA**

1- Mức hao phí vật liệu:

Là số lượng vật liệu chính, vật liệu phụ, các cấu kiện hoặc các bộ phận rời lẻ, vật liệu luân chuyển cần cho việc thực hiện và hoàn thành khối lượng công tác xây lắp sửa chữa.

Số lượng vật liệu đã bao gồm hao hụt ở khâu thi công, riêng đối với các loại cát xây dựng đã kể đến hao hụt do độ dôi của cát.

2- Mức hao phí lao động:

Là số ngày công lao động của công nhân trực tiếp thực hiện khối lượng công tác xây lắp sửa chữa và công nhân phục vụ sửa chữa (kể cả công nhân vận chuyển, bốc dỡ vật liệu trong phạm vi quy định trong định mức dự toán tính cho từng loại công tác xây lắp sửa chữa). Số lượng ngày công đã bao gồm cả lao động chính, phụ kể cả công tác chuẩn bị, kết thúc, thu dọn hiện trường thi công.

3- Mức hao phí máy thi công:

Là số ca máy thi công trực tiếp phục vụ để hoàn thành công tác xây lắp sửa chữa.

## **II. KẾT CẤU TẬP ĐỊNH MỨC DỰ TOÁN SỬA CHỮA CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA**

Định mức dự toán sửa chữa công trình đường thủy nội địa gồm 11 mã hiệu định mức. Bao gồm: định mức trong công tác đắp bao tải đất, cát; bạt mái kè; làm tầng lọc ngược; trái vải địa kỹ thuật dưới nước; phao bè thả rồng đá; hút phun hỗn hợp bùn, đất từ xa lan lên bãi bằng tàu hút công suất <1000 cv; hút phun hỗn hợp bùn, đất từ hố chứa dưới nước (sau khi xả đáy) lên bãi bằng tàu hút công suất <1000 cv; bốc xúc đất đá dưới nước bằng máy đào gầu dây; sửa chữa phao tiêu báo hiệu đường thủy nội địa; sửa chữa cột báo hiệu đường thủy nội địa; sửa chữa khung tháp phao, giá đỡ tấm năng lượng.

## **III. HƯỚNG DẪN ÁP DỤNG**

Định mức dự toán sửa chữa công trình đường thủy nội địa được áp dụng để lập đơn giá sửa chữa công trình đường thủy nội địa, làm cơ sở xác định dự toán chi phí xây dựng và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.

Định mức dự toán sửa chữa công trình xây dựng đường thủy nội áp dụng đối với trường hợp công trình sửa chữa chỉ cần yêu cầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

Đối với một số loại công tác xây lắp sửa chữa không ban hành trong định mức dự toán này được áp dụng theo định mức dự toán xây dựng công trình của Bộ Xây dựng. Trường hợp không có định mức để áp dụng xác định hao phí cho công tác sửa chữa thì căn cứ vào phương pháp xây dựng định mức tại Thông tư 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình để lập định mức mới.

Ngoài phần thuyết minh và hướng dẫn áp dụng chung này, trong từng phần của định mức dự toán sửa chữa công trình đường thủy nội địa còn có điều kiện làm việc, yêu cầu kỹ thuật và hướng dẫn áp dụng cụ thể.

Trong quá trình áp dụng nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Bộ Giao thông vận tải để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

## 1. ĐẤP BAO TẢI ĐẤT, CÁT.

*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị dụng cụ, vật liệu.
- Xác định vị trí đắp bao tải đất, cát.
- Xúc đất đổ vào bao tải.
- Vận chuyển trong phạm vi 30 m.
- Đắp bao tải đất, cát xuống đúng vị trí quy định.
- Thu dọn hiện trường sau khi thi công.

Đơn vị tính: 1 m<sup>3</sup>

STT	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
1	Đắp bao tải đất, cát	<i>Vật liệu</i>		
		Đất (cát)	m <sup>3</sup>	1,22
		Bao tải dứa loại PP (1x0,6 m)	cái	32,3
		Dây buộc ni lon	kg	0,01
		<i>Nhân công 3,0/7</i>	công	1,52
				10

## 2. BẠT MÁI KÈ:

*Thành phần công việc:*

- + Chuẩn bị hiện trường thi công, cắm tuyến, đóng cọc đánh dấu.
- + Đào, bạt, sửa mái theo đúng thiết kế.
- + Vận chuyển đất thừa đổ đi trong phạm vi 10 m hay đổ lên phương tiện vận chuyển.
- + Thu dọn hiện trường sau khi thi công.

Đơn vị tính: 1 m<sup>3</sup>

STT	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Cấp đất		
			Cấp I	Cấp II	Cấp III
2	Bạt mái kè	Nhân công 3,5/7	0,49	0,681	0,913
			11	12	13

### 3. LÀM TẦNG LỌC THỦ CÔNG.

*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị hiện trường, xác định vị trí, cắm tuyến.
- Vận chuyển vật liệu trong phạm vi 30 m, xếp - rải - đầm đá, cát, sỏi bảo đảm yêu cầu kỹ thuật.
- Thu dọn hiện trường sau khi thi công.

Đơn vị tính: 1 m<sup>3</sup>

STT	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Loại đứng	Loại nằm
1	Làm tầng lọc thủ công	<i>Vật liệu</i> Cát vàng <i>Nhân công 3,5/7</i>	m <sup>3</sup> công	1,22 1,3031	1,22 0,7761
2		<i>Vật liệu</i> Đá dăm hoặc sỏi <i>Nhân công 3,5/7</i>	m <sup>3</sup> công	1,2 2,556	1,2 2,158
				11	12

### 4. TRÁI VẢI ĐỊA KỸ THUẬT DƯỚI NƯỚC

*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị hiện trường, xác định vị trí, cắm mốc theo bản vẽ thiết kế.
- Chuẩn bị máy móc thiết bị, dụng cụ và nguyên vật liệu và vận chuyển trong phạm vi 30 m, đo, cắt vải lọc theo yêu cầu thiết kế.
- Vận chuyển cuộn vải đã cắt đưa vào thiết bị trái vải (Ru lô).
- Gia công cọc ghim, rải vải lọc theo đúng yêu cầu kỹ thuật, đóng cọc ghim (nếu không dùng cọc ghim mà khâu giáp nối thì được tính chi phí mua chỉ khâu).
- Thu dọn hiện trường sau khi thi công.

Đơn vị tính: 100 m<sup>2</sup>

STT	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
4	Rải vải địa kỹ thuật dưới nước	<i>Vật liệu</i> Vải địa kỹ thuật	m <sup>2</sup>	110
		Ghim sắt F6 (hình L - 0,5x0,1 m; khoảng cách ghim 1 m/chiếc)	kg	5,275
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,24
		Thợ lặn	ca	0,274
				10

- Ghi chú:*
- Định mức vải lọc đã tính đến hao hụt do cắt vải, lồi lõm của địa hình.
  - Định mức vải lọc chưa tính đến phần vải chồng lên nhau ở mỗi nối.
- Phần nối được tính riêng theo qui định của thiết kế cho từng công trình cụ thể.
- Định mức chưa bao gồm thiết bị nối như phao bè...

5. PHAO BÈ THẢ RÒNG ĐÁ.

Đơn vị tính: 10 m<sup>3</sup> đá thả

STT	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Cự ly thả L (m)		
				L ≤ 30	30 ≤ L ≤ 70	L > 70
5	Phao thép thả ròng đá	<i>Vật liệu</i>				
		Gỗ ván 3-5 cm	m <sup>3</sup>	0,0008	0,0008	0,0008
		Tre cây ø 6-8 cm (L = 7-9 m)	cây	0,1	0,1	0,1
		Dây thép buộc	kg	0,075	0,1	0,125
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,125	0,168	0,24
		<i>Máy thi công</i>				
	Phao thép	ca	0,278	0,323	0,385	
			11	12	13	

*Ghi chú:* Nếu công tác thả đá rời phải sử dụng phao bè thì áp dụng bảng định mức chi phí phao trên nhân với hệ số k = 0,4.

6. HÚT PHUN HỖN HỢP BÙN, ĐẤT TỪ XÀ LAN LÊN BÃI BẰNG TÀU HÚT CÔNG SUẤT <1000CV

*Thành phần công việc:*

Chuẩn bị, làm phao tiêu báo hiệu, xác định vị trí nạo vét, di chuyển máy móc thiết bị trong phạm vi công trường, lắp ráp, tháo dỡ, định vị thiết bị, đường ống đảm bảo an toàn giao thông thủy trong phạm vi công trường, hút bùn đất từ xà lan lên bãi đúng nơi quy định.

Đơn vị tính: 100 m<sup>3</sup>

STT	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Hỗn hợp bùn đất
6	Hút phun hỗn hợp bùn, đất từ xà lan lên bãi bằng tàu hút công suất ≤1000 cv, chiều sâu nạo vét ≤6 m, chiều cao ống xả ≤3 m, chiều dài ống xả ≤300 m	<i>Nhân công 2,7/4</i>	công	3,324
		<i>Máy thi công</i>		
		Tàu hút 585 cv (hoặc tương tự)	ca	0,127
		Tàu kéo 360 cv	ca	0,025
		Cầu nổi 30 T	ca	0,064
		Canô 23 cv	ca	0,064
		Xà lan 200 T	ca	0,127
Máy khác	%	1,5		
				10

7. HÚT PHUN HỖN HỢP BÙN, ĐẤT TỪ HỒ CHỨA DƯỚI NƯỚC (SAU KHI XẢ ĐÁY) LÊN BÃI BẰNG TÀU HÚT CÔNG SUẤT <1000 cv

*Thành phần công việc:*

Chuẩn bị, làm phao tiêu báo hiệu, xác định vị trí nạo vét, di chuyển máy móc thiết bị trong phạm vi công trường, lắp ráp, tháo dỡ, định vị thiết bị, đường ống đảm bảo an toàn giao thông thủy trong phạm vi công trường, hút phun hỗn hợp bùn đất từ hồ chứa lên bãi đúng nơi quy định.

Đơn vị tính: 100 m<sup>3</sup>

STT	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Hỗn hợp bùn đất
7	Hút phun hỗn hợp bùn, đất từ hồ chứa dưới nước lên bãi bằng tàu hút công suất ≤1000 cv, chiều sâu nạo vét ≤6 m, chiều cao ống xả ≤3 m, chiều dài ống xả ≤300 m	<i>Nhân công 2,7/4</i>	công	3,324
		<i>Máy thi công</i>		
		Tàu hút 585 cv (hoặc tương tự)	ca	0,127
		Tàu kéo 360 cv	ca	0,025
		Canô 23 cv	ca	0,064
		Máy khác	%	1,5
				10

8. BỐC XÚC ĐÁ DƯỚI NƯỚC BẰNG MÁY ĐÀO GÀU DÂY (áp dụng cho bóc xúc đá sau nổ mìn và thanh thải vật chướng ngại là bãi đá dời dưới nước)

*Thành phần công việc:*

Chuẩn bị, thả phao, rùa, xác định vị bóc xúc đá rời lên xà lan, lặn kiểm tra bãi đá di chuyển tàu đến vị trí bóc xúc. Bóc xúc đá lên xà lan, lặn kiểm tra mặt bằng sau khi bóc xúc và lặn kiểm tra trong quá trình bóc xúc.

Đơn vị tính: 100 m<sup>3</sup>

Mã hiệu	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Bóc xúc đá rời lên xà lan
8.1	Bóc xúc đá rời bằng máy đào gầu dây dung tích gầu ≤ 1,2 m <sup>3</sup> lên xà lan chiều sâu ≤ 9 m	<i>Nhân công 4,0/7</i>	công	1,725
		<i>Máy thi công</i>		
		Máy đào gầu dây ≤ 1,2 m <sup>3</sup>	ca	0,91
		Tàu kéo 150 cv	ca	0,455
		Xà lan 200 T	ca	0,91
		Xà lan 250 T	ca	0,91
		Máy khác	%	2
			10	

STT	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Bóc xúc đá rời lên xà lan
8.2	Bóc xúc đá rời bằng máy đào gầu dây dung tích gầu ≤ 1,6 m <sup>3</sup> lên xà lan chiều sâu ≤ 9 m	<i>Nhân công 4,0/7</i>	công	1,725
		<i>Máy thi công</i>		
		Máy đào gầu dây ≤ 1,6 m <sup>3</sup>	ca	0,683
		Tàu kéo 150 cv	ca	0,341
		Xà lan 200 T	ca	0,683
		Xà lan 250 T	ca	0,683
		Máy khác	%	2
			10	

STT	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Bóc xúc đá rời lên xà lan
8.3	Bóc xúc đá rời bằng máy đào gầu dây dung tích gầu ≤ 2,3 m <sup>3</sup> lên xà lan chiều sâu ≤ 9 m	<i>Nhân công 4,0/7</i>	công	1,725
		<i>Máy thi công</i>		
		Máy đào gầu dây ≤ 2,3 m <sup>3</sup>	ca	0,441
		Tàu kéo 150 cv	ca	0,221
		Xà lan 200 T	ca	0,441
		Xà lan 250 T	ca	0,441
		Máy khác	%	2
			1	

Ghi chú: Trường hợp bóc xúc đá ở chiều sâu mực nước > 10m ÷ 20 m được nhân hệ số 1,25 từ độ sâu > 20 m được nhân hệ số 1,35 so với định mức tương ứng.



## 9. SỬA CHỮA PHAO TIÊU BÁO HIỆU ĐƯỜNG THỦY

*Thành phần công việc:*

Chuẩn bị, đo đánh dấu chi tiết trên vật liệu gia công, cắt, mài, nắn uốn, nắn chỉnh, hàn chịu lực, tổ hợp các bộ phận kết cấu theo đúng thiết kế; hoàn thiện gia công theo đúng yêu cầu; vận chuyển vật liệu, cấu kiện sau gia công trong phạm vi 150 m.

Đơn vị tính: 1 tấn

STT	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Phao báo hiệu đường thủy nội địa (phao hình trụ, phao hình côn)		
				Hình trụ	Hình côn	
9	Sửa chữa phao báo hiệu đường thủy nội địa	<i>Vật liệu</i>				
		Thép tấm	kg	1091,4	1122	
		Đá mài	viên	0,265	0,765	
		Que hàn	kg	10,71	17,85	
		Vật liệu khác	%	3	5	
		<i>Nhân công 4,5/7</i>	công	26,45	48,875	
		<i>Máy thi công</i>				
		Máy cắt tôn 15 kw	ca	1,638	2,31	
		Máy lốc tôn 5 kw	ca	1,638	2,31	
		Máy mài 2,7 kw	ca	0,84	1,575	
		Máy hàn 23 kw	ca	4,2	6,3	
		Máy khác	%	5	5	
					11	12

## 10. SỬA CHỮA CỘT BÁO HIỆU ĐƯỜNG THỦY

*Thành phần công việc:*

Chuẩn bị, đo lấy dấu, triển khai tôn, cắt, lốc ống khoan lỗ, hàn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, vận chuyển vật liệu trong phạm vi 30 m.

Đơn vị tính: 1 tấn

STT	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
10	Sửa chữa cột báo hiệu	<i>Vật liệu</i>		
		Thép hình	kg	25,5
		Thép tấm	kg	1025,1
		Ôxy	chai	3,57
		Đất đèn	kg	13,872
		Que hàn	kg	28,56
		Vật liệu khác	%	5
		<i>Nhân công 4/7</i>	<i>công</i>	21,275
		<i>Máy thi công</i>		
		Máy hàn 23 kw	ca	5,439
		Máy cắt	ca	1,3125
		Máy khoan 4,5 kw	ca	1,575
		Cầu 16 T	ca	0,399
Máy khác	%	5		
				10

11. SỬA CHỮA KHUNG THÁP PHAO, GIÁ ĐỠ TÂM NĂNG LƯỢNG

Đơn vị tính: 1tấn

STT	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
11	Sửa chữa khung tháp phao, giá đỡ tâm năng lượng	<i>Vật liệu</i>		
		Thép tấm	kg	132,6
		Thép hình	kg	918
		Đá mài	Viên	0,428
		Ôxy	chai	1,683
		Đất đèn	kg	9,251
		Que hàn	kg	20,981
		Vật liệu khác	%	2
		<i>Nhân công 4,5/7</i>	công	24,748
		<i>Máy thi công</i>		
		Máy hàn 23 kw	ca	4,799
		Máy mài 2,7 kw	ca	1,785
		Máy khoan 2,5 kw	ca	1,05
		Máy khác	%	5
			10	